TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SY** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **175**/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 22/6/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Huệ
2. Bà Lộc Thị Kim Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện SY mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2023, giữa:

* Nguyên đơn: Anh **NVT**, sinh năm 1983.
* Bị đơn: Chị **MTH**, sinh năm 1991.
Cùng trú tại: Thôn LL, xã KT, huyện SY, tỉnh Q.
(Anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Th vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh NVT trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị MTH tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 29/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã KT, huyện SY, tỉnh Q và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh làm ăn, sinh sống ở thôn LL, xã KT, huyện SY, tỉnh Q. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, mục

đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị MTH.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung là cháu NVN, sinh ngày 30/11/2009 và cháu NVT, sinh ngày 15/12/2011, hiện nay cháu Ngh và cháu T đang ở với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả cháu Ngh và cháu T và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh xác định, anh và chị Th không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng chị Th không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đi xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương được biết, chị MTH có hộ khẩu thường trú tại thôn LL, xã KT, huyện SY, hiện chị Th vắng mặt tại nơi cư trú, chị Th không thông báo tạm trú, tạm vắng nên gia đình và địa phương không nắm được hiện chị Th đang làm gì ở đâu, nhưng chị Th thỉnh thoảng vẫn về nhà. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu khác tại địa phương nơi chị Th cư trú theo quy định, nhưng chị Th đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, anh Th giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện SY phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NVT, xử cho anh Th được ly hôn với chị MTH. Về con chung: Giao cháu NVN, sinh ngày 30/11/2009 và cháu NVT, sinh ngày 15/12/2011 cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Th không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung nên chị Th không phải dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th xác định không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh NVT và chị MTH kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã KT, huyện SY, tỉnh Q, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Th và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn,* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định, bị đơn là chị MTH hiện đang cư trú, sinh sống tại thôn LL, xã KT, huyện SY. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện SY.

[3]. Chị MTH đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của anh NVT, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1]. Đối với yêu cầu xin ly hôn với chị MTH: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Th đang sinh sống thường xuyên xác định: Anh NVT và chị MTH kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã KT, huyện SY, tỉnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Th, chị Th làm ăn, sinh sống tại thôn LL, xã KT, huyện SY, tỉnh Q. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được, nhưng hiện tại vợ chồng anh Th, chị Th đã sống ly thân, hiện không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Bản thân anh Th xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Th xác định do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Th, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy chị Th cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Anh Th và chị Th đã sống ly thân được hơn một năm, không ai quan tâm đến ai.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa anh Th và chị Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Th là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2]. Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: Anh Th và chị Th có 02 con chung là cháu NVN, sinh ngày 30/11/2009 và cháu NVT, sinh ngày 15/12/2011, hiện nay cháu Ngh và cháu T

đang ở với anh Th. Chị Th giấu địa chỉ, không rõ nghề nghiệp, mức thu nhập và không có văn bản trình bày nguyện vọng nuôi con. Bản thân anh Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, có thu nhập trung bình từ 200.000đ đến 250.000đ/ 1 ngày, có chỗ ở ổn định. Cháu Ngh và cháu T đều trên 7 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng bố. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến, trong hoàn cảnh của anh Th thì Toà án nên giao cả cháu Ngh và cháu T cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của anh Th là có căn cứ cần được chấp nhận. Do anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nên chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, về nợ chung: Anh Th xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị MTH không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NVT.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh NVT được ly hôn với chị MTH.

2. Về con chung: Giao cháu NVN, sinh ngày 30/11/2009 và cháu NVT, sinh ngày 15/12/2011 cho anh NVT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị MTH không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh NVT phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0006238, ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY, tỉnh Q. Chị MTH không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh NVT và chị MTH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện SY;
- Chi cục THADS huyện SY;
- UBND xã KT (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lộc Thị Kim Thơm - Phạm Văn Ninh	**Phạm Thị Quỳnh**